

VĂN KIẾN NĂM 1991
CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

VỀ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI

(Thông qua ngày 02.12.1961, được sửa đổi tại Ginevơ ngày 10.11.1972, 23.10.1978 và 19.3.1991)

DANH MỤC CÁC ĐIỀU

Chương 1. Các khái niệm

Điều 1. Các khái niệm

Chương 2. Các nghĩa vụ chung của các bên ký kết

Điều 2. Nghĩa vụ cơ bản của các Bên ký kết

Điều 3. Các loài và các giống cây được bảo hộ

Điều 4. Đối xử quốc gia

Chương 3. Điều kiện để công nhận quyền của nhà Tạo giống

Điều 5. Điều kiện bảo hộ

Điều 6. Tính mới

Điều 7. Tính khác biệt

Điều 8. Tính đồng nhất

Điều 9. Tính ổn định

Chương 4. Đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống

Điều 10. Nộp đơn

Điều 11. Quyền ưu tiên

Điều 12. Xét nghiệm

Điều 13. Bảo hộ tạm thời

Chương 5. Quyền của nhà tạo giống

Điều 14. Phạm vi quyền của nhà tạo giống

Điều 15. Các ngoại lệ đối với quyền của nhà tạo giống

Điều 16. Tình trạng khai thác hết quyền của nhà tạo giống

Điều 17. Hạn chế về thực hiện quyền nhà tạo giống

Điều 18. Các biện pháp điều chỉnh thương mại

Điều 19. Thời hạn bảo hộ quyền của nhà tạo giống

Chương 6. Tên gọi của giống cây

Điều 20. Tên gọi của giống cây

Chương 7. Huỷ bỏ và đình chỉ quyền của nhà tạo giống

Điều 21. Huỷ bỏ quyền của nhà tạo giống

Điều 22. Đình chỉ quyền của nhà tạo giống

Chương 8. Liên minh

Điều 23. Các Thành viên

Điều 24. Tư cách pháp lý và Trụ sở

Điều 25. Các cơ quan

Điều 26. Hội đồng

Điều 27. Văn phòng của Liên minh

Điều 28. Ngôn ngữ

Điều 29. Tài chính

Chương 9. Thi hành Công ước; Các thoả thuận khác

Điều 30. Thi hành Công ước

Điều 31. Mỗi liên hệ giữa các Bên ký kết và các Quốc gia bị ràng buộc bởi các Văn kiện năm năm sớm hơn

Điều 32. Các thoả thuận đặc biệt

Chương 10. Các quy định cuối cùng

Điều 33. Ký kết

Điều 34. Phê chuẩn, Chấp thuận hoặc Thông qua; Gia nhập

Điều 35. Bảo lưu

Điều 36. Trao đổi thông tin về pháp luật và các loài và các giống cây được bảo hộ; Thông tin được công bố

Điều 37. Hiệu lực; Kết thúc việc gia nhập các Văn kiện sớm hơn

Điều 38. Sửa đổi Công ước

Điều 39. Bãi ước

Điều 40. Bảo toàn các quyền hiện có

Điều 41. Bản gốc và chính thức của Công ước

Điều 42. Chức năng lưu trữ

Chương 1.

CÁC KHÁI NIỆM

Điều 1. Các khái niệm

Trong Văn kiện này:

(i) “Công ước này” dùng để chỉ Văn kiện hiện hành (năm 1991) của Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới;

(ii) “Văn kiện năm 1961/1972” dùng để chỉ Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới ngày 2.12.1961, được sửa đổi theo Văn kiện ngày 10.11.1972;

(iii) “Văn kiện năm 1978” dùng để chỉ Văn kiện ngày 23.10.1978 của Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới

(iv) “Nhà tạo giống” dùng để chỉ:

- người tạo ra, hoặc phát hiện và cải tạo một giống cây,
- người thuê hoặc trả công cho những người nói trên để tạo ra, phát hiện và cải tạo một giống cây, nếu luật pháp của các Bên ký kết liên quan quy định như vậy, hoặc
- người thừa kế hợp pháp của người nêu trên đây, tùy trường hợp.

(v) “Quyền của nhà tạo giống” dùng để chỉ quyền của nhà tạo giống được quy định trong Công ước này;

(vi) “Giống cây” dùng để chỉ một nhóm cây thuộc duy nhất một cấp phân loại thực vật thấp nhất, bất kể có đáp ứng đầy đủ hay không các điều kiện để công nhận quyền của nhà tạo giống, nhóm cây có thể:

- xác định được bằng sự thể hiện các tính trạng thu được từ các kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen đã biết,
- phân biệt được với các nhóm cây bất kỳ khác bằng sự thể hiện của ít nhất một trong các tính trạng nói trên và
- được coi là một đơn vị khi xét về khả năng phù hợp của nó để nhân giống bất biến.

(vii) “Bên ký kết” dùng để chỉ một Quốc gia hoặc một tổ chức liên chính phủ tham gia Công ước này;

(viii) “Lãnh thổ” liên quan đến một Bên ký kết dùng để chỉ lãnh thổ của Quốc gia khi Bên ký kết là một quốc gia và lãnh thổ trong đó hiệp ước thành lập tổ chức liên chính phủ được áp dụng khi Bên ký kết là một tổ chức liên chính phủ;

(ix) “Cơ quan có thẩm quyền” dùng để chỉ cơ quan được đề cập đến tại Điều 30(1)(ii);

(x) “Liên minh” dùng để chỉ Liên minh bảo hộ giống cây trồng mới được thành lập theo Văn kiện năm 1961 và được đề cập đến trong Văn kiện năm 1972, Văn kiện năm 1978 và trong Công ước này;

(xi) “Thành viên của Liên minh” dùng để chỉ Quốc gia tham gia Văn kiện năm 1961/1972 hoặc Văn kiện năm 1978, hoặc dùng để chỉ Bên ký kết.

Chương 2:

CÁC NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT

Điều 2. Nghĩa vụ cơ bản của các Bên ký kết

Mỗi Bên ký kết phải công nhận và bảo hộ quyền của nhà tạo giống.

Điều 3. Các loài và các giống cây được bảo hộ

(1) [Các Quốc gia đã là thành viên của Liên minh] Mỗi Bên ký kết, nếu đã bị ràng buộc bởi Văn kiện năm 1961/1972 hoặc Văn kiện năm 1978, phải áp dụng các quy định của Công ước này

(i) từ ngày bắt đầu bị ràng buộc bởi Công ước này cho tất cả các loài và giống cây mà các quy định của Văn kiện năm 1961/1972 hoặc Văn kiện năm 1978 đã được áp dụng cho chúng vào ngày nói trên và,

(ii) muộn nhất là khi kết thúc thời hạn 5 năm sau ngày nói trên cho tất cả các loài và giống cây.

(2) [Các thành viên mới của Liên minh] Mỗi Bên ký kết, nếu không bị ràng buộc bởi các Văn kiện năm 1961/1972 hoặc Văn kiện năm 1978, phải áp dụng các quy định của Công ước này

(i) từ ngày bắt đầu bị ràng buộc bởi Công ước này cho tối thiểu là 15 loài hoặc giống cây và,

(ii) muộn nhất là khi kết thúc thời hạn 5 năm kể từ ngày nói trên cho tất cả các loài và giống cây.

Điều 4. Đối xử quốc gia

(1) [Đối xử] Không ảnh hưởng đến các quyền quy định trong Công ước này, công dân của Bên ký kết cũng như các cá nhân định cư tại và pháp nhân có trụ sở đăng ký trên lãnh thổ của Bên ký kết được hưởng sự đối xử giống như sự đối xử mà luật của mỗi Bên ký kết khác đã hoặc sẽ dành cho công dân của mình đối với việc công nhận và bảo hộ quyền của nhà tạo giống liên quan trong lãnh thổ của mỗi Bên ký kết khác đó, với điều kiện là công dân, các cá nhân hoặc pháp nhân đó phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục được áp dụng đối với công dân của Bên ký kết khác nói trên.

(2) [“Công dân”] Trong khoản trên, “công dân” dùng để chỉ công dân của một Quốc gia khi Bên ký kết là một Quốc gia, và công dân của các Quốc gia thành viên của tổ chức liên chính phủ khi Bên ký kết là một tổ chức liên chính phủ.

Chương 3:

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÔNG NHẬN QUYỀN CỦA NHÀ TẠO GIỐNG

Điều 5. Điều kiện bảo hộ

(1) [Tiêu chuẩn phải đáp ứng] Quyền của nhà tạo giống được công nhận nếu giống cây

(i) mới,

(ii) khác biệt,

(iii) đồng nhất và

(iv) ổn định.

(2) [Các điều kiện khác] Việc công nhận quyền của nhà tạo giống không bị buộc phải tuân theo các điều kiện khác hoặc bổ sung bất kỳ nếu giống cây được xác định bằng một tên gọi phù hợp với các quy định tại Điều 20, người nộp đơn đáp ứng các thủ tục theo luật của Bên ký kết nơi mà đơn được nộp và nộp các khoản lệ phí theo quy định.

Điều 6. Tính mới

(1) [Tiêu chuẩn] Một giống cây được coi là mới nếu vào ngày nộp đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống, vật liệu nhân hoặc vật liệu thu hoạch của giống cây đó chưa được bán hoặc được phân phối bằng cách khác cho người thứ ba nhằm mục đích khai thác giống cây bởi hoặc được sự đồng ý của nhà tạo giống:

- (i) trong lãnh thổ của Bên ký kết, nơi đơn được nộp và trước ngày nộp đơn 1 năm;
- (ii) trong lãnh thổ khác với lãnh thổ của Bên ký kết, nơi đơn được nộp và trước ngày nộp đơn 4 năm hoặc 6 năm đối với cây thân gỗ và cây leo.

(2) [Các giống cây vừa mới được tạo ra] Nếu một Bên ký kết áp dụng Công ước này cho một loài hoặc giống cây mà trước đây chúng chưa được áp dụng theo Công ước này, hoặc theo một Văn kiện sớm hơn, thì có thể coi giống cây vừa mới được tạo ra tồn tại vào ngày mở rộng bảo hộ đáp ứng điều kiện tính mới được quy định tại khoản (1), ngay cả khi việc bán hoặc việc phân phối như quy định tại khoản này được thực hiện trước giới hạn thời gian quy định tại khoản này.

(3) [“Lãnh thổ” trong một số trường hợp nhất định] Nhằm mục tiêu của khoản (1), tất cả các Bên ký kết là Quốc gia thành viên của cùng một tổ chức liên chính phủ có thể cùng tiến hành, khi các quy định của tổ chức đó đòi hỏi như vậy, nhằm thống nhất hoá các hành động được thực hiện trên các lãnh thổ của các Quốc gia thành viên của tổ chức đó với các hành động được thực hiện trên các lãnh thổ riêng của các Quốc gia thành viên và nếu làm như vậy các Bên ký kết phải thông báo ngay cho Tổng Thư ký.

Điều 7. Tính khác biệt

Một giống cây được coi là khác biệt nếu có khả năng phân biệt một cách rõ ràng với bất kỳ một giống cây nào khác đã được biết đến một cách rộng rãi tại thời điểm nộp đơn. Đặc biệt, việc nộp đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống hoặc yêu cầu đăng ký vào danh sách chính thức các giống cây ở nước bất kỳ phải được coi là khiến cho giống cây đó được biết đến rộng rãi từ ngày nộp đơn nếu các đơn này dẫn tới việc công nhận quyền của nhà tạo giống hoặc ghi nhận các giống cây đó vào danh sách chính thức các giống cây, tùy trường hợp.

Điều 8. Tính đồng nhất

Một giống cây được coi là đồng nhất nếu có sự đồng nhất một cách đầy đủ các tính trạng liên quan của nó, trừ những biến dị có thể xảy ra do các đặc điểm cụ thể của quá trình nhân giống.

Điều 9. Tính ổn định

Một giống cây được coi là ổn định nếu các tính trạng liên quan của nó duy trì bất biến sau các quá trình nhân giống liên tiếp hoặc vào thời điểm kết thúc mỗi chu trình nhân giống trong trường hợp nhân giống theo chu trình cụ thể.

Chương 4:

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN QUYỀN CỦA NHÀ TẠO GIỐNG

Điều 10. Nộp đơn

(1) [Nơi nộp đơn đầu tiên] Nhà tạo giống có thể chọn cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết để nộp đơn đầu tiên yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống.

(2) [Thời gian nộp các đơn tiếp theo] Nhà tạo giống có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết khác công nhận quyền của nhà tạo giống mà không cần phải chờ việc công nhận quyền của nhà tạo giống do cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết nơi nộp đơn đầu tiên thực hiện.

(3) [Sự độc lập của bảo hộ] Không một Bên ký kết nào được từ chối công nhận quyền hoặc hạn chế thời hạn hiệu lực của quyền trên cơ sở việc bảo hộ các giống cây giống nhau không được

thực hiện hoặc đã bị từ chối hoặc hết hạn hiệu lực tại một Quốc gia hoặc một tổ chức liên chính phủ bất kỳ nào khác.

Điều 11. Quyền ưu tiên

(1) [Quyền; thời hạn của quyền] Bất kỳ nhà tạo giống nào đã nộp đơn yêu cầu bảo hộ giống cây theo quy định vào một trong các Bên ký kết (“đơn đầu tiên”) đều phải được hưởng quyền ưu tiên trong thời hạn 12 tháng cho việc nộp các đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống đối với cùng một giống cây vào cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết bất kỳ khác (“đơn tiếp theo”). Thời hạn này được tính từ ngày nộp đơn đầu tiên. Ngày nộp đơn phải không được tính vào thời hạn này.

(2) [Yêu cầu hưởng quyền ưu tiên] Để được hưởng quyền ưu tiên, trong đơn tiếp theo của mình, nhà tạo giống phải yêu cầu hưởng quyền ưu tiên của đơn đầu tiên. Trong thời hạn muộn nhất là 3 tháng kể từ ngày nộp đơn tiếp theo, Cơ quan có thẩm quyền nhận đơn tiếp theo có thể yêu cầu nhà tạo giống cung cấp bản sao các tài liệu đơn đầu tiên được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và các mẫu hoặc bằng chứng khác xác nhận rằng giống cây của cả hai đơn là giống nhau.

(3) [Tài liệu và vật liệu] Nhà tạo giống phải được phép trong thời hạn là 2 năm sau khi kết thúc thời hạn hưởng quyền ưu tiên hoặc trong thời gian thích hợp sau khi đơn đầu tiên bị từ chối hoặc rút bỏ để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết nhận đơn tiếp theo thông tin, tài liệu hoặc mọi vật liệu cần thiết được quy định cho việc xem xét đơn theo Điều 12 như được quy định bởi luật của Bên ký kết đó.

(4) [Các sự kiện xảy ra trong thời hạn] Các sự kiện xảy ra trong thời hạn quy định tại khoản (1) như nộp một đơn khác hoặc công bố hoặc sử dụng giống cây là đối tượng của đơn đầu tiên không được coi là căn cứ để từ chối đơn tiếp theo. Các sự kiện như vậy cũng không được làm phát sinh quyền cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Điều 12. Xét nghiệm

Mọi quyết định công nhận quyền của nhà tạo giống đòi hỏi việc xét nghiệm sự đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều từ Điều 5 đến Điều 9. Trong quá trình xét nghiệm, cơ quan có thẩm quyền có thể gieo trồng giống cây hoặc thực hiện các khảo nghiệm cần thiết khác, hoặc sử dụng các kết quả khảo nghiệm sinh trưởng hoặc thử nghiệm đã được thực hiện trước đó. Nhằm mục đích xét nghiệm, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu nhà tạo giống cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu hoặc vật liệu cần thiết.

Điều 13. Bảo hộ tạm thời

Mỗi một Bên ký kết phải quy định các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích của nhà tạo giống trong thời hạn từ ngày nộp đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống đến ngày công nhận quyền đó. Các biện pháp như vậy phải cho phép nhà tạo giống quyền tối thiểu là được hưởng khoản đền bù tương xứng từ bất kỳ người thứ ba nào đã thực hiện trong thời hạn nói trên các hành vi buộc phải xin phép nhà tạo giống như quy định tại Điều 14 khi quyền của nhà tạo giống được công nhận. Bên ký kết có thể quy định rằng các biện pháp đã nói trên chỉ được áp dụng đối với người đã được nhà tạo giống thông báo về việc nộp đơn của mình.

Chương 5:

QUYỀN CỦA NHÀ TẠO GIỐNG

Điều 14. Phạm vi quyền của nhà tạo giống

(1) [Các hành vi liên quan đến vật liệu nhân giống]

(a) Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, các hành vi sau đây liên quan đến vật liệu nhân giống của giống cây được bảo hộ phải được phép của nhà tạo giống:

(i) sản xuất hoặc nhân giống,

(ii) chế biến nhằm mục đích nhân giống,

(iii) chào bán,

(iv) bán hoặc các cách tiếp cận thị trường khác,

(v) xuất khẩu,

(vi) nhập khẩu,

(vii) tàng trữ nhằm thực hiện các hành vi bất kỳ nêu tại các điểm từ (i) đến (vi) trên đây

(b) Nhà tạo giống có thể cho phép người khác thực hiện quyền của mình phù hợp với các điều kiện và hạn chế nhất định.

(2) [Các hành vi liên quan đến các vật liệu thu hoạch] Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, các hành vi được đề cập tại các điểm (i) đến (vii) khoản (1)(a) liên quan đến vật liệu thu hoạch, bao gồm cả cây nguyên vẹn và các phần của cây thu được bằng cách sử dụng bất hợp pháp vật liệu nhân giống của giống cây được bảo hộ, phải được phép của nhà tạo giống trừ trường hợp nhà tạo giống có cơ hội hợp lý để thực hiện quyền của mình liên quan đến vật liệu nhân nói trên.

(3) [Các hành vi liên quan đến các sản phẩm nhất định] Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, mỗi Bên ký kết có thể quy định rằng các hành vi được đề cập tại các điểm từ điểm (i) đến (vii) khoản (1)(a) liên quan đến các sản phẩm được làm trực tiếp từ vật liệu thu hoạch của giống cây đã được bảo hộ thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định tại khoản (2) bằng cách sử dụng bất hợp pháp các vật liệu thu hoạch nói trên phải được phép của nhà tạo giống, trừ trường hợp nhà tạo giống có cơ hội hợp lý để thực hiện quyền của mình liên quan đến các vật liệu thu hoạch nói trên.

(4) [Các hành vi bổ sung có thể được] Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, mỗi nước thành viên có thể quy định các hành vi khác với các hành vi được đề cập tại các điểm từ điểm (i) đến (vii) khoản (1)(a) phải được phép của nhà tạo giống.

(5) [Các giống cây dẫn xuất và một vài giống cây khác]

(a) Các quy định của các khoản (1) đến (4) cũng phải được áp dụng đối với:

(i) các giống cây dẫn xuất của giống cây được bảo hộ, khi giống được bảo hộ bản thân nó không phải là giống dẫn xuất của một giống khác,

(ii) các giống cây không có khả năng phân biệt một cách rõ ràng theo Điều 7 với giống cây được bảo hộ và

(iii) các giống cây mà việc sản xuất nó đòi hỏi phải sử dụng lặp lại giống cây được bảo hộ.

(b) Nhằm mục tiêu của tiết (a) (i), một giống cây phải được coi là dẫn xuất của giống cây khác (“giống cây ban đầu”) khi

(i) giống cây đó thực chất bắt nguồn từ giống cây ban đầu hoặc từ giống cây mà bản thân nó thực chất bắt nguồn từ giống cây ban đầu khi vẫn giữ lại các biểu hiện của các tính trạng chủ yếu thu được từ kiểu gen hoặc phối hợp các kiểu gen của giống cây ban đầu,

- (ii) giống cây đó có khả năng phân biệt một cách rõ ràng với giống cây ban đầu và
 - (iii) trừ những khác biệt là kết quả của tác động dẫn xuất, giống cây đó phù hợp với giống cây ban đầu về sự biểu hiện các tính trạng ban đầu thu nhận được từ kiểu gen hoặc sự kết hợp các kiểu gen của giống cây ban đầu.
- (c) Các giống cây dẫn xuất có thể thu được, chẳng hạn, bằng cách lựa chọn các sinh vật đột biến do tự nhiên hoặc được kích thích, hoặc các phép thể hoặc lựa chọn một phương án riêng từ các cây của giống cây ban đầu, lai ngược, hoặc biến đổi bằng công nghệ gen.

Điều 15. Các ngoại lệ đối với quyền của nhà tạo giống

(1) [Các ngoại lệ bắt buộc] Quyền của nhà tạo giống phải không được mở rộng tới:

- (i) các hành vi được thực hiện phục vụ nhu cầu cá nhân và mục đích phi thương mại,
- (ii) các hành vi được thực hiện nhằm mục đích thí nghiệm và
- (iii) các hành vi được thực hiện nhằm mục đích lai tạo các giống cây khác và các hành vi được liệt kê tại các khoản từ (1) đến (4) Điều 14 liên quan đến các giống cây khác này trừ khi các quy định của khoản (5) Điều 14 được áp dụng.

(2) [Các ngoại lệ tùy chọn] Không phụ thuộc vào Điều 14, mỗi Bên ký kết có thể, trong giới hạn hợp lý và để bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà tạo giống, hạn chế quyền của nhà tạo giống liên quan đến giống cây bất kỳ để cho phép nông dân sử dụng sản phẩm thu hoạch được từ việc gieo trồng trên cánh đồng của mình giống cây được bảo hộ, giống cây được nêu tại điểm (i) hoặc điểm (ii) tiết (a) khoản (5) Điều 14 nhằm mục đích nhân giống trên cánh đồng của mình.

Điều 16. Tình trạng khai thác hết quyền của nhà tạo giống

(1) [Tình trạng khai thác hết quyền] Quyền của nhà tạo giống không được mở rộng tới các hành vi liên quan đến vật liệu bất kỳ của giống cây được bảo hộ hoặc của giống cây theo quy định tại khoản (5) Điều 14 khi chúng đã được bán hoặc đưa ra thị trường bằng cách khác bởi hoặc được sự đồng ý của nhà tạo giống trong lãnh thổ của Bên ký kết liên quan, hoặc đến vật liệu bất kỳ có nguồn gốc từ vật liệu nói trên, trừ khi các hành vi như vậy

- (i) gồm cả việc nhân tiếp giống cây đã được đề cập hoặc
- (ii) gồm cả việc xuất khẩu các vật liệu của giống cây có khả năng nhân giống vào một nước không bảo hộ các giống cây đó, trừ khi vật liệu được xuất khẩu cho mục đích tiêu dùng.

(2) [Khái niệm "vật liệu"] Nhằm mục đích của khoản (1), liên quan đến giống cây, "vật liệu" dùng để chỉ

- (i) vật liệu nhân dưới dạng bất kỳ,
- (ii) vật liệu thu hoạch, gồm cả các cây nguyên vẹn và các phần của cây, và
- (iii) sản phẩm bất kỳ được làm trực tiếp từ vật liệu thu hoạch.

(3) ["Lãnh thổ" trong các trường hợp cụ thể] Nhằm mục đích của khoản (1), tất cả các Bên ký kết là Quốc gia thành viên của cùng một tổ chức liên chính phủ có thể cùng tiến hành, khi các quy định của tổ chức đó yêu cầu như vậy, nhằm thống nhất hoá các hành động được thực hiện trên các lãnh thổ của các Quốc gia thành viên của tổ chức đó với các hành động được thực hiện trên các lãnh thổ riêng của từng Quốc gia thành viên và các Bên ký kết phải thông báo ngay cho Tổng thư ký nếu làm như vậy.

Điều 17. Hạn chế về thực hiện quyền nhà tạo giống

(1) [Lợi ích xã hội] Trừ khi được quy định rõ ràng trong Công ước này, không một Bên ký kết nào có thể hạn chế việc tự do thực hiện quyền của nhà tạo giống với lý do khác với lý do vì lợi ích của xã hội.

(2) [Khoản đền bù hợp lý] Khi các hạn chế bất kỳ như vậy được thực hiện để cho phép bên thứ ba thực hiện hành vi bất kỳ đòi hỏi phải được sự đồng ý của nhà tạo giống, Bên ký kết liên quan phải tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho nhà tạo giống được nhận một khoản đền bù hợp lý.

Điều 18. Các biện pháp điều chỉnh thương mại

Quyền của nhà tạo giống phải độc lập với bất kỳ biện pháp nào được Bên ký kết thực hiện để điều chỉnh việc sản xuất, công nhận và đưa ra thị trường vật liệu của giống cây trong lãnh thổ của mình hoặc nhập khẩu hoặc xuất khẩu các vật liệu như vậy. Trong mọi trường hợp, các biện pháp như vậy phải không gây ảnh hưởng tới việc áp dụng các quy định của Công ước này.

Điều 19. Thời hạn bảo hộ quyền của nhà tạo giống

(1) [Thời hạn bảo hộ] Quyền của nhà tạo giống phải được bảo hộ trong một thời hạn xác định.

(2) [Thời hạn tối thiểu] Thời hạn nói trên phải không được ngắn hơn 20 năm kể từ ngày công nhận quyền của nhà tạo giống. Đối với cây thân gỗ và thân leo, thời hạn nói trên phải không được ngắn hơn 25 năm kể từ ngày nói trên.

Chương 6:

TÊN GỌI CỦA GIỐNG CÂY

Điều 20. Tên gọi của giống cây

(1) [Xác định giống cây bằng cách đặt tên; sử dụng tên gọi]

(a) Một giống cây phải được xác định bằng tên gọi chỉ đặc điểm gen của nó.

(b) Phù hợp với khoản (4), mỗi Bên ký kết phải bảo đảm rằng không một quyền nào về dấu hiệu được đăng ký với danh nghĩa là tên gọi của giống cây có thể gây ảnh hưởng tới việc sử dụng tự do các tên gọi gắn với giống cây, thậm chí sau khi hết hạn quyền của nhà tạo giống.

(2) [Các đặc điểm của tên gọi] Một tên gọi phải cho phép nhận ra được giống cây. Tên gọi không được gồm toàn các dấu hiệu trừ khi dấu hiệu đó được hình thành trên thực tế để chỉ giống cây đó. Tên gọi phải không có khả năng lừa dối hoặc gây nhầm lẫn về các đặc điểm, giá trị hoặc nhận biết giống cây hoặc nhận biết nhà tạo giống. Đặc biệt, tên gọi phải khác biệt với mọi tên gọi dùng để chỉ các giống cây thuộc cùng một loài hoặc thuộc các loài gần nhau đang tồn tại trên lãnh thổ của bất kỳ Bên ký kết nào.

(3) [Đăng ký tên gọi] Nhà tạo giống phải nộp đơn yêu cầu đăng ký tên gọi của giống cây cho cơ quan có thẩm quyền. Nếu tên gọi không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản (2), cơ quan có thẩm quyền sẽ từ chối đăng ký tên gọi đó và yêu cầu nhà tạo giống đệ trình tên gọi mới trong thời hạn quy định. Tên gọi sẽ được cơ quan có thẩm quyền đăng ký đồng thời với việc công nhận quyền của nhà tạo giống.

(4) [Các quyền đã tồn tại trước của bên thứ ba] Quyền đã tồn tại trước của bên thứ ba phải không bị phương hại. Nếu vì quyền đã tồn tại trước mà việc sử dụng tên gọi của giống cây bị cấm đối

với người phải sử dụng tên gọi đó theo quy định của khoản (7), cơ quan có thẩm quyền phải yêu cầu nhà tạo giống đăng ký tên gọi khác cho giống cây.

(5) [Tên gọi như nhau trong tất cả các Bên ký kết] Một giống cây phải được đệ trình cho tất cả các Bên ký kết dưới cùng một tên gọi. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết phải đăng ký tên gọi như được đệ trình, trừ khi cho rằng tên gọi không phù hợp trong phạm vi lãnh thổ của mình. Trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền phải yêu cầu nhà tạo giống đệ trình một tên gọi khác.

(6) [Thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết] Cơ quan có thẩm quyền phải bảo đảm rằng tất cả các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết khác được thông báo về các vấn đề liên quan đến tên gọi của giống cây, đặc biệt là việc đệ trình, đăng ký và huỷ bỏ tên gọi. Bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào cũng đều có thể gửi ý kiến đánh giá của mình về việc đăng ký tên gọi, nếu có, cho cơ quan có thẩm quyền đã thông báo tên gọi đó.

(7) [Nghĩa vụ sử dụng tên gọi] Bất kỳ người nào trong lãnh thổ của một trong các Bên ký kết chào bán hoặc đưa ra thị trường vật liệu nhân của giống cây đang được bảo hộ trong lãnh thổ đó phải có nghĩa vụ sử dụng tên gọi của giống cây, thậm chí sau khi kết thúc thời hạn hiệu lực của quyền của nhà tạo giống, trừ khi theo quy định tại khoản (4) các quyền tồn tại trước ngăn cản việc sử dụng đó.

(8) [Các chỉ dẫn được sử dụng cùng với các tên gọi] Khi một giống cây được chào bán hoặc đưa ra thị trường, phải cho phép kết hợp nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại hoặc các chỉ dẫn tương tự với tên gọi của giống cây đã được đăng ký. Nếu chỉ dẫn như vậy được kết hợp, tên gọi vẫn phải có khả năng nhận biết một cách dễ dàng.

Chương 7:

HUỶ BỎ VÀ ĐÌNH CHỈ QUYỀN CỦA NHÀ TẠO GIỐNG

Điều 21. Huỷ bỏ quyền của nhà tạo giống

(1) [Các lý do để huỷ bỏ] Mỗi Bên ký kết phải tuyên bố vô hiệu quyền của nhà tạo giống khi có căn cứ rằng

(i) các điều kiện được liệt kê tại các Điều 6 hoặc Điều 7 không được thoả mãn tại thời điểm công nhận quyền của nhà tạo giống,

(ii) các điều kiện được liệt kê tại các Điều 8 hoặc Điều 9 không được thoả mãn tại thời điểm công nhận quyền, khi việc công nhận quyền chủ yếu căn cứ vào thông tin và tài liệu do nhà tạo giống cung cấp,

(iii) quyền của nhà tạo giống được công nhận cho người không có quyền được hưởng nó trừ khi được chuyển giao cho người có quyền được hưởng quyền như vậy.

(2) [Loại trừ các lý do khác] Không được tuyên bố vô hiệu quyền của nhà tạo giống vì các lý do khác với những lý do được nêu tại khoản (1).

Điều 22. Đình chỉ quyền của nhà tạo giống

(1) [Các lý do để đình chỉ] (a) Mỗi Bên ký kết có thể đình chỉ quyền của nhà tạo giống đã được mình công nhận nếu có cơ sở khẳng định rằng các điều kiện quy định tại Điều 8 hoặc Điều 9 không còn được thoả mãn nữa.

- (b) Ngoài ra, mỗi Bên ký kết có thể đình chỉ quyền của nhà tạo giống đã được mình công nhận nếu sau khi được yêu cầu và trong thời hạn quy định mà
- (i) nhà tạo giống không cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền các thông tin, tài liệu hoặc vật liệu được coi là cần thiết cho việc xác minh việc lưu giữ giống cây đó,
 - (ii) nhà tạo giống không nộp các khoản lệ phí duy trì hiệu lực quyền của mình, hoặc
 - (iii) nhà tạo giống không đệ trình một tên gọi phù hợp khác khi tên gọi của giống cây bị huỷ bỏ sau khi công nhận quyền.
- (2) [Loại trừ các lý do khác] Không được tuyên bố đình chỉ quyền của nhà tạo giống với lý do khác với các lý do được nêu tại khoản (1).

Chương 8:

LIÊN MINH

Điều 23. Các Thành viên

Các Bên ký kết sẽ là các thành viên của Liên minh.

Điều 24. Tư cách pháp lý và Trụ sở

- (1) [Tư cách pháp lý] Liên minh có tư cách pháp lý
- (2) [Phạm vi pháp lý] Liên minh có các quyền pháp lý cần thiết trên lãnh thổ của mỗi thành viên và phù hợp với luật pháp hiện hành trên lãnh thổ đó để đạt được mục tiêu của Liên minh và thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- (3) [Trụ sở] Trụ sở của Liên minh và các cơ quan thường trực của Liên minh đóng tại Ginevơ.
- (4) [Thoả thuận về Trụ sở] Liên minh có thoả thuận về trụ sở với Thụy Sĩ.

Điều 25. Các cơ quan

Các cơ quan thường trực của Liên minh là Hội đồng và Văn phòng của Liên minh.

Điều 26. Hội đồng

- (1) [Thành phần] Hội đồng bao gồm các đại diện của các thành viên của Liên minh. Mỗi thành viên của liên minh phải chỉ định một đại diện tại Hội đồng và một kế nhiệm. Các đại diện hoặc các người kế nhiệm có thể được kèm theo các trợ lý hoặc các cố vấn.
- (2) [Viên chức] Hội đồng phải bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch thứ nhất trong số các thành viên của Hội đồng. Có thể bầu Phó Chủ tịch khác. Phó Chủ tịch thứ nhất sẽ thay thế Chủ tịch nếu Chủ tịch không thể điều hành. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 3 năm.
- (3) [Các kỳ họp] Hội đồng phải họp theo sự triệu tập của Chủ tịch Hội đồng. Kỳ họp chính thức của Hội đồng được tiến hành mỗi năm một lần. Ngoài ra, Chủ tịch có thể triệu tập Hội đồng theo ý mình; Chủ tịch phải triệu tập Hội đồng trong thời hạn 3 tháng nếu có một phần ba số thành viên của Hội đồng yêu cầu.
- (4) [Các quan sát viên] Các quốc gia không phải là thành viên của Công ước có thể được mời với tư cách quan sát viên trong các cuộc họp của Hội đồng. Các quan sát viên cũng như các chuyên gia khác cũng có thể được mời dự các cuộc họp như vậy.
- (5) [Nhiệm vụ] Nhiệm vụ của Hội đồng là:

(i) nghiên cứu các biện pháp thích hợp để bảo vệ lợi ích và khuyến khích sự phát triển của Liên minh;

(ii) thiết lập các nguyên tắc về thủ tục của Hội đồng;

(iii) chỉ định Tổng Thư ký và Phó Tổng Thư ký nếu thấy cần thiết và xác định thời hạn chỉ định từng chức vụ trên;

(iii) xem xét báo cáo hàng năm về hoạt động của Liên minh và đề ra chương trình công tác của Liên minh trong tương lai;

(iv) vạch ra cho Tổng Thư ký phương hướng cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ của Liên minh;

(v) thiết lập các quy chế về hành chính và tài chính của Liên minh;

(vi) kiểm tra và phê chuẩn ngân sách của Liên minh và ấn định phần đóng góp của các thành viên của Liên minh;

(vii) kiểm tra và phê chuẩn các quyết toán do Tổng Thư ký đệ trình;

(viii) ấn định ngày và địa điểm tổ chức các hội nghị được nêu tại Điều 38 và thực hiện các biện pháp chuẩn bị cần thiết; và

(ix) nói chung là đưa ra tất cả các quyết định nhằm bảo đảm hoạt động hiệu quả của Liên minh.

(6) [Biểu quyết] (a) Mỗi thành viên của Liên minh là một quốc gia có một quyền biểu quyết trong Hội đồng;

(b) Bất cứ một Bên ký kết nào là thành viên của tổ chức liên chính phủ có thể, trong phạm vi thẩm quyền của mình, thực hiện các quyền biểu quyết của các Quốc gia thành viên của mình. Tổ chức liên chính phủ này không được thực hiện quyền biểu quyết của các Quốc gia thành viên của mình nếu các Quốc gia thành viên đó thực hiện quyền biểu quyết và ngược lại.

(7) [Đa số] Bất kỳ một quyết định nào của Hội đồng đòi hỏi phải được đa số biểu quyết nhất trí, với điều kiện là các quyết định bất kỳ của Hội đồng theo các khoản (5)(ii), (vi) và (vii) và theo Điều 28(3), 29(5)(b) và 38(1) phải được 3/4 số biểu quyết nhất trí. Việc vắng mặt không được coi là tham gia biểu quyết.

Điều 27. Văn phòng của Liên minh

(1) [Nhiệm vụ và điều hành Văn phòng] Văn phòng phải thực hiện các nhiệm vụ và chức năng được Hội đồng giao phó. Văn phòng hoạt động dưới sự điều hành của Tổng Thư ký.

(2) [Nhiệm vụ của Tổng Thư ký] Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Hội đồng; Tổng Thư ký có trách nhiệm thực hiện các quyết định của Hội đồng. Tổng Thư ký phải đệ trình ngân sách của Liên minh cho Hội đồng phê chuẩn và có trách nhiệm thực hiện nó. Tổng Thư ký phải làm các báo cáo cho Hội đồng về việc công tác quản lý của mình và về các hoạt động và tình hình tài chính của Liên minh.

(3) [Nhân viên] Phù hợp với các quy định của Điều 26(5)(iii), các điều kiện để chỉ định và thuê nhân viên cần cho việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của Văn phòng phải được ấn định trong các quy định về hành chính và tài chính.

Điều 28. Ngôn ngữ

(1) [Các ngôn ngữ sử dụng trong Văn phòng] Tiếng Anh, Pháp, Đức và Tây Ban Nha được sử dụng trong Văn phòng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Văn phòng.

(2) [Ngôn ngữ trong các hội nghị nhất định] Các hội nghị của Hội đồng và các các hội nghị thường kỳ được tổ chức bằng 4 thứ tiếng.

(3) [Các ngôn ngữ bổ sung] Hội đồng có thể quyết định sử dụng các ngôn ngữ bổ sung khác.

Điều 29. Tài chính

(1) [Nguồn thu] Các khoản chi tiêu của Liên minh được lấy từ

(i) các khoản đóng góp hàng năm của các quốc gia thành viên của Liên minh,

(ii) các khoản tiền nhận được từ việc cung cấp các dịch vụ,

(iii) các khoản thu khác.

(2) [Các khoản đóng góp: đơn vị]

(a) Phần đóng góp của mỗi Quốc gia thành viên của Liên minh trong ổng tổng các khoản đóng góp hàng năm được xác định bằng thương của tổng số chi tiêu từ các khoản đóng góp của các Quốc gia thành viên với số đơn vị đóng góp được áp dụng theo khoản (3). Phần đóng góp nói trên được tính theo quy định tại khoản (4).

(b) Số đơn vị đóng góp phải là các số nguyên hoặc là phân số với điều kiện các phân số không được nhỏ hơn 1/5.

(3) [Các khoản đóng góp: phần đóng góp của mỗi thành viên]

(a) Số đơn vị đóng góp được áp dụng cho mỗi thành viên của Liên minh trước đây đã tham gia Văn kiện năm 1961/1972 hoặc Văn kiện năm 1978 vào ngày bị ràng buộc bởi Công ước này phải bằng số đơn vị đóng góp được áp dụng cho thành viên đó ngay trước ngày nói trên.

(b) Trong quá trình tham gia Liên minh, quốc gia thành viên khác bất kỳ của Liên minh phải xác định số đơn vị đóng góp áp dụng cho Quốc gia trong tuyên bố gửi Tổng Thư ký.

Quốc gia thành viên bất kỳ có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, xác định số đơn vị đóng góp khác với số đơn vị đóng góp theo điểm (a) hoặc điểm (b) trong tuyên bố gửi tổng Thư ký. Tuyên bố đó có hiệu lực từ đầu năm tiếp theo nếu nó được thực hiện trong thời gian 6 tháng đầu năm. Trường hợp khác, tuyên bố đó sẽ có hiệu lực từ đầu năm thứ hai sau năm nó được thực hiện.

(4) [Các khoản đóng góp: tính toán phần đóng góp]

(a) Đối với mỗi kỳ tài chính, giá trị tương ứng với một đơn vị đóng góp được xác định bằng cách chia tổng giá trị của chi phí trong kỳ đó cho tổng số đơn vị đóng góp áp dụng cho các Quốc gia thành viên của Liên minh.

(b) Giá trị đóng góp của mỗi Quốc gia thành viên được xác định bằng cách nhân giá trị tương ứng của một đơn vị đóng góp với số đơn vị đóng góp được áp dụng cho Quốc gia thành viên đó.

(5) [Nợ khoản đóng góp]

(a) Quốc gia thành viên của Liên minh nợ khoản đóng góp theo điểm (b) có thể không được thực hiện quyền biểu quyết của mình trong Hội đồng nếu giá trị của khoản nợ đó tương đương hoặc vượt quá giá trị đóng góp đến hạn đối với cả năm trước. Việc đình chỉ quyền biểu quyết sẽ không loại trừ các nghĩa vụ của các quốc gia thành viên đó và các quyền bất kỳ liên quan.

(b) Hội đồng có thể cho phép Quốc gia thành viên đó tiếp tục thực hiện quyền biểu quyết của mình nếu và chừng nào Hội đồng thấy rằng việc nợ khoản đóng góp thực sự là không thể tránh khỏi hoặc khác thường.

(6) [Kiểm toán tài chính] Việc kiểm toán được Quốc gia thành viên thực hiện như quy định trong các quy định về hành chính và tài chính. Quốc gia thành viên đó nếu chấp thuận sẽ được Hội đồng chỉ định.

(7) [Các khoản đóng góp của các tổ chức liên chính phủ] Bên ký kết bất kỳ là tổ chức liên chính phủ không có nghĩa vụ nộp tiền đóng góp. Tuy nhiên, nếu tổ chức đó quyết định trả tiền đóng góp thì các quy định của các khoản từ khoản (1) đến khoản (4) phải được áp dụng một cách phù hợp.

Chương 9:

THI HÀNH CÔNG ƯỚC; CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Điều 30. Thi hành Công ước

(1) [Các biện pháp thi hành] Mỗi Bên ký kết phải áp dụng tất cả các biện pháp để thi hành Công ước này; cụ thể, mỗi Bên ký kết phải:

(i) bảo đảm các chế tài pháp lý đầy đủ để thực thi một cách có hiệu quả quyền của nhà tạo giống;

(ii) duy trì cơ quan có thẩm quyền có nhiệm vụ công nhận quyền của nhà tạo giống hoặc trao nhiệm vụ đó cho một cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết khác.

(iii) bảo đảm công chúng được thông báo thường xuyên các thông tin về

- Các đơn yêu cầu công nhận quyền của nhà tạo giống, và

- Các tên gọi đã được đệ trình và được chấp thuận.

(2) [Sự phù hợp của Luật] Khi đệ trình văn kiện chấp thuận, đồng ý, phê chuẩn hoặc tham gia, tùy trường hợp, mỗi nước thành viên hoặc tổ chức liên chính phủ phải sẵn sàng có đủ điều kiện để đảm bảo các quy định của Công ước này được thi hành một cách có hiệu quả theo hệ thống pháp luật của mình.

Điều 31. Mỗi liên hệ giữa các Bên ký kết và các Quốc gia bị ràng buộc bởi các Văn kiện năm sớm hơn

(1) [Mối liên hệ giữa các Quốc gia bị ràng buộc bởi Công ước này] Chỉ có Công ước này được áp dụng giữa các quốc gia thành viên của Liên minh bị ràng buộc bởi Công ước này và bất kỳ Văn kiện năm sớm hơn nào.

(2) [Mối liên hệ có thể với các Quốc gia không bị ràng buộc bởi Công ước này] Quốc gia thành viên bất kỳ không bị ràng buộc bởi Công ước này có thể tuyên bố trong thông báo gửi cho Tổng Thư ký rằng sẽ áp dụng Văn kiện cuối cùng mà mình bị ràng buộc trong quan hệ với mỗi thành viên của Liên minh chỉ bị ràng buộc bởi Công ước này. Từ khi kết thúc thời hạn 1 tháng sau ngày gửi thông báo đó và đến khi Quốc gia thành viên đó bị ràng buộc bởi Công ước này, thành viên của Liên minh đó sẽ áp dụng Văn kiện cuối cùng mà nó bị ràng buộc trong quan hệ với mỗi thành viên của Liên minh chỉ bị ràng buộc bởi Công ước này, ngược lại thành viên của Liên minh bị ràng buộc bởi Công ước này phải áp dụng Công ước này đối với thành viên của Liên minh không bị ràng buộc bởi công ước này.

Điều 32. Các thỏa thuận đặc biệt

Các thành viên của Liên minh bảo lưu quyền ký kết với nhau các thoả thuận đặc biệt để bảo hộ các giống cây trong phạm vi mà các thoả thuận đó không trái với các quy định của Công ước này.

Chương 10:

CÁC QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG

Điều 33. Ký kết

Công ước này đề ngỏ cho Quốc gia bất kỳ là thành viên của Liên minh ký từ ngày nó được thông qua. Thời hạn đề ngỏ cho việc ký Công ước này được duy trì đến 31/3/1992.

Điều 34. Phê chuẩn, Chấp thuận hoặc Thông qua; Gia nhập

(1) [Các Quốc gia và các tổ chức liên chính phủ](a) Quốc gia bất kỳ theo quy định tại Điều này có thể trở thành thành viên của Công ước này.

(b) Theo quy định này, Tổ chức liên chính phủ bất kỳ có thể tham gia Công ước này nếu

(i) có thẩm quyền đối với các vấn đề được điều chỉnh bằng Công ước này,

(ii) có hệ thống pháp luật riêng đảm bảo công nhận quyền của nhà tạo giống ràng buộc tất cả các Quốc gia thành viên, và

(iii) được phép một cách hợp pháp theo các thủ tục nội bộ để tham gia Công ước này.

(2) [Văn kiện gia nhập] Quốc gia bất kỳ đã ký Công ước có thể tham gia Công ước này bằng cách trình một văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc thông qua Công ước này. Quốc gia bất kỳ không ký Công ước này và tổ chức liên chính phủ bất kỳ có thể tham gia Công ước này bằng cách trình một văn kiện gia nhập Công ước này. Văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc gia nhập được trình cho Tổng Thư ký.

(3) [Ý kiến tư vấn của Hội đồng] Trước khi đệ trình văn kiện gia nhập, Quốc gia bất kỳ không là thành viên của Liên minh và tổ chức liên chính phủ bất kỳ phải yêu cầu Hội đồng cho ý kiến liên quan đến tính phù hợp của luật pháp của mình với các quy định của Công ước này. Nếu như ý kiến tư vấn tích cực thì văn kiện gia nhập có thể được đệ trình.

Điều 35. Bảo lưu

(1) [Nguyên tắc] Phù hợp với khoản (2), không cho phép bảo lưu đối với Công ước này

(2) [Các ngoại lệ có thể] (a) Không ảnh hưởng đến quy định tại khoản (1) Điều 3, nếu Quốc gia bất kỳ mà vào thời điểm tham gia Công ước này đã tham gia Văn kiện năm 1978 và đã bảo hộ các giống cây được sản xuất bằng phương pháp vô tính dưới hình thức quyền sở hữu công nghiệp khác với quyền của nhà tạo giống cây thì Quốc gia đó phải có quyền tiếp tục thực hiện như vậy mà không phải áp dụng các quy định của Công ước này cho các giống cây đó.

Quốc gia bất kỳ áp dụng quyền nói trên phải thông báo ngay cho Tổng Thư ký vào thời điểm đệ trình văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc thông qua. Quốc gia đó có thể huỷ thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào.

Điều 36. Trao đổi thông tin về pháp luật và các loài và các giống cây được bảo hộ; Thông tin được công bố

(1) [Thông báo ban đầu] Tùy trường hợp, khi đệ trình văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc thông qua Công ước này, Quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ bất kỳ phải thông báo cho Tổng Thư ký về

(i) hệ thống pháp luật điều chỉnh quyền của nhà tạo giống của mình và

(ii) danh sách các loài và giống cây sẽ được áp dụng các quy định của Công ước này vào ngày bắt đầu bị ràng buộc bởi Công ước này.

(2) [Thông báo về các thay đổi] Mỗi Bên ký kết phải lập tức thông báo cho Tổng Thư ký

(i) các thay đổi bất kỳ trong hệ thống pháp luật của mình về điều chỉnh quyền của nhà tạo giống, và

(ii) sự mở rộng bất kỳ về áp dụng Công ước này cho các loài và giống cây bổ sung.

(3) [Công bố thông tin] Trên cơ sở các thông tin nhận được từ các nước thành viên tham gia Công ước này, Tổng Thư ký phải công bố thông tin về:

(i) hệ thống pháp luật điều chỉnh quyền của nhà tạo giống và các thay đổi bất kỳ trong hệ thống pháp luật đó,

(ii) danh sách các loài và giống cây được đề cập tại khoản (1) (ii) và sự mở rộng bất kỳ được đề cập tại khoản (2)(ii).

Điều 37. Hiệu lực; Kết thúc việc gia nhập các Văn kiện sớm hơn

(1) [Hiệu lực ban đầu] Công ước này sẽ có hiệu lực sau khi 5 Quốc gia thành viên đệ trình văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, tán thành hoặc gia nhập, với điều kiện ít nhất có 3 trong số các văn kiện đó do các Quốc gia tham gia Văn kiện năm 1961/1972 hoặc năm 1978 đệ trình.

(2) [Hiệu lực tiếp theo] Quốc gia bất kỳ không thuộc các Quốc gia nêu ở khoản (1) hoặc tổ chức liên chính phủ bất kỳ sẽ bắt đầu bị ràng buộc bởi Công ước này một tháng sau ngày đệ trình văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc gia nhập, tùy trường hợp.

(3) [Kết thúc việc gia nhập Văn kiện năm 1978] Không một văn kiện gia nhập Văn kiện năm 1978 nào có thể được đệ trình sau khi Công ước này có hiệu lực theo khoản (1), trừ Quốc gia bất kỳ được coi là các nước đang phát triển, phù hợp với thực tiễn được xác lập bởi Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc, có thể đệ trình văn kiện gia nhập trước ngày 31/12/1995, và Quốc gia bất kỳ khác có thể đệ trình văn kiện gia nhập trước ngày 31/12/1993. Các văn kiện gia nhập nói trên có thể được đệ trình ngay cả khi Công ước này đã bắt đầu có hiệu lực.

Điều 38. Sửa đổi Công ước

(1) [Hội nghị] Công ước này có thể được hội nghị các thành viên của Liên minh sửa đổi. Việc triệu tập một hội nghị như vậy phải được Hội đồng quyết định.

(2) [Số đại biểu tối thiểu và đa số phiếu] Hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất một nửa số thành viên của Liên minh tham dự. Việc thông qua bất kỳ một sửa đổi nào phải được hơn 3/4 số Quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại hội nghị.

Điều 39. Bãi ước

(1) [Thông báo] Bên ký kết bất kỳ có thể tuyên bố bãi ước Công ước này bằng việc thông báo cho Tổng Thư ký. Tổng Thư ký phải lập tức báo cho tất cả các thành viên của Liên minh về việc nhận được thông báo đó.

(2) [Các Văn kiện năm sớm hơn] Thông báo về việc bãi ước Công ước này cũng được coi là một thông báo bãi ước Văn kiện năm sớm hơn bất kỳ mà Bên ký kết bãi ước Công ước này đã bị ràng buộc.

(3) [Ngày có hiệu lực] Việc bãi ước sẽ có hiệu lực vào cuối năm tiếp theo năm Tổng Thư ký nhận được tuyên bố bãi ước.

(4) [Các quyền có được] Việc bãi ước không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào có được đối với một giống cây theo Công ước này hoặc bất kỳ Văn kiện năm sớm hơn nào cho đến ngày việc bãi ước có hiệu lực.

Điều 40. Bảo toàn các quyền hiện có

Công ước này không hạn chế các quyền của nhà tạo giống đang tồn tại theo luật của các Bên ký kết hoặc theo bất kỳ một Văn kiện năm sớm hơn nào hoặc bất kỳ thoả thuận khác Công ước này được các thành viên của Liên minh ký với nhau.

Điều 41. Bản gốc và chính thức của Công ước

(1) [Bản gốc] Công ước này được ký một bản duy nhất theo các thứ tiếng Anh, Pháp và Đức. Bản tiếng Pháp có ưu thế hơn trong trường hợp có sự không thống nhất giữa các bản khác nhau. Bản gốc phải được trao cho Tổng Thư ký.

(2) [Bản chính thức] Tổng Thư ký, sau khi thảo luận với các Chính phủ liên quan, phải lập các bản chính thức Công ước này bằng các thứ tiếng ả-rập, Hà lan, ý, Nhật và Tây Ban Nha và bằng các ngôn ngữ khác do Hội đồng chỉ định.

Điều 42. Chức năng lưu trữ

(1) [Chuyển phát các bản sao] Tổng Thư ký phải chuyển phát các bản sao được xác nhận của Công ước này cho tất cả các Quốc gia và tổ chức liên chính phủ có mặt tại Hội nghị cấp cao đã thông qua Công ước này và cho bất kỳ quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ nào theo yêu cầu của họ.

(2) [Đăng ký] Tổng Thư ký phải đăng ký Công ước này với Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc.